

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính
Quý II năm tài chính 2014
Mẫu số B 01a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Quý II Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		947.634.624.942	1.001.044.385.764
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		160.564.379.675	24.436.676.575
1. Tiền	111	V.01	60.307.379.675	24.179.676.575
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.257.000.000	257.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.479.510.005	38.579.510.005
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.479.510.005	38.579.510.005
2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		647.123.208.704	800.741.924.196
1. Phải thu khách hàng	131		361.639.570.321	495.834.316.788
2. Trả trước cho người bán	132		84.146.655.360	148.254.663.540
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	201.967.556.576	157.412.086.333
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(630.573.553)	(759.142.465)
IV. Hàng tồn kho	140		111.641.373.880	116.720.126.563
1. Hàng tồn kho	141	V.04	111.641.373.880	116.720.126.563
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.826.152.678	20.566.148.425
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.628.096.576	5.162.693.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	384.666.164	371.141.874
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		14.813.389.938	15.032.313.336
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		2.679.943.553.205	2.370.943.002.379
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		654.543.971.404	684.677.283.048
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	654.543.971.404	684.677.283.048
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		1.354.548.238.185	1.300.176.984.944
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	16.533.253.689	17.912.905.553
- Nguyên giá	222		33.974.163.842	34.895.294.175
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17.440.910.153)	(16.982.388.622)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	72.160.887	122.575.421
- Nguyên giá	228		623.459.888	750.596.888
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(551.299.001)	(628.021.467)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.337.942.823.609	1.282.141.503.970

Handwritten signature

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	664.705.598.954	380.981.258.522
1. Đầu tư vào công ty con	251		561.128.715.270	356.486.724.238
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19.450.000.000	19.450.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		85.922.349.400	6.840.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(1.795.465.716)	(1.795.465.716)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.145.744.662	5.107.475.865
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	4.969.505.319	5.107.475.865
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.176.239.343	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.627.578.178.147	3.371.987.388.143
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.721.964.999.228	2.667.914.832.047
I. Nợ ngắn hạn	310		676.724.909.811	955.224.040.531
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	272.795.892.599	482.509.491.851
2. Phải trả người bán	312		89.610.230.551	199.818.881.122
3. Người mua trả trước	313		148.311.195.080	87.623.905.695
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	98.544.745	342.024.979
5. Phải trả người lao động	315		1.049.559.180	2.262.766.210
6. Chi phí phải trả	316	V.17	27.396.263.786	17.321.812.532
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	134.820.530.045	162.729.874.483
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.642.693.825	2.615.283.659
II. Nợ dài hạn	330		2.045.240.089.417	1.712.690.791.516
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.140.964.758.147	976.740.681.620
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	903.912.125.853	735.575.540.843
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		363.205.417	374.569.053
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		905.613.178.919	704.072.556.096
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	905.613.178.919	704.072.556.096
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		846.474.910.000	646.474.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.734.064.565	5.154.600.587
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		0	0
5. Chênh lệch giá đánh lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.186.408.842	31.186.408.842
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.702.809.063	11.202.809.063
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính
Quý II năm tài chính 2014
Mẫu số B 02A - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý II Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	178.009.956.086	198.441.906.841	249.389.161.621	301.358.453.289
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	517.222.272	747.443.866	2.642.568.211	3.689.073.581
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	177.492.733.814	197.694.462.975	246.746.593.410	297.669.379.708
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	169.235.203.136	176.927.385.568	234.837.149.323	258.698.285.460
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.257.530.678	20.767.077.407	11.909.444.087	38.971.094.248
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	9.032.921.334	880.286.986	17.759.448.010	1.096.324.329
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	4.163.581.768	6.528.194.320	8.710.724.561	11.616.071.382
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		4.163.581.768	6.528.194.320	8.710.724.561	11.616.071.382
8. Chi phí bán hàng	24		91.405.653	2.790.079.232	179.327.337	5.733.278.127
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.307.417.284	9.221.234.216	12.645.342.584	17.579.022.886
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		6.728.047.307	3.107.856.625	8.133.497.615	5.139.046.182
11. Thu nhập khác	31		270.136.545	200.300.000	504.793.431	1.044.424.253
12. Chi phí khác	32		5.000.562.242	92.816.109	5.170.440.454	868.687.928
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(4.730.425.697)	107.483.891	(4.665.647.023)	175.736.325
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.997.621.610	3.215.340.516	3.467.850.592	5.314.782.507
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	0	387.186.486	7.348.747	856.856.639
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.997.621.610	2.828.154.030	3.460.501.845	4.457.925.868
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		24	74	47	122

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Người lập


Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng


Lê Thị Ngọc



Tổng Giám đốc

Vũ Quang Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính
Quý II năm tài chính 2014
Mẫu số B 03a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT
Quý II Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		460.598.029.569	345.895.242.984
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(418.391.104.487)	(309.201.726.941)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.249.642.038)	(10.372.742.288)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(23.443.424.755)	(11.123.167.581)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(196.303.442)	(1.942.180.048)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		282.511.594.661	7.172.942.136
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(88.588.928.029)	(121.860.988.542)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		206.240.221.479	(101.432.620.280)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(116.379.744.737)	(53.608.282.240)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		220.454.545	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(27.000.000.000)	(575.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		61.000.000.000	1.135.292.948
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(283.142.349.400)	(3.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.356.613.455	416.024.991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(363.945.026.137)	(56.131.964.301)
III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		200.000.000.000	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		347.101.705.327	378.966.481.864
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(253.265.549.569)	(232.083.909.418)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	(298.563.900)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.648.000)	(6.916.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		293.832.507.758	146.577.092.546
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		136.127.703.100	(10.987.492.035)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		24.436.676.575	37.238.046.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		160.564.379.675	26.250.554.231

Người lập



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc

Lập, ngày 17 tháng 08 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 11 ngày 14 tháng 05 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty là 846.474.910.000 đồng.

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);

- Chuẩn bị mặt bằng;

- Xây dựng nhà các loại;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (Không bao gồm quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);

- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện, sản xuất điện;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng.

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán Quý bắt đầu từ ngày 01 của tháng đầu quý kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành; Bao gồm:

- 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;
- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;
- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.
- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong sổ dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014 Công ty đã góp vốn thành lập năm (05) công ty con bằng giá trị các tài sản cố định được đánh giá lại và giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ, tiền mặt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỉ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỉ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
1.	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51	51	Khai thác VLXD
2.	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51	51	Xây lắp
3.	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
4.	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Dịch vụ
5	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Xây lắp

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ tuyến tính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian 02 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: Giá vốn dự án Xuân Phương, giá vốn dự án Vân Canh và các khoản chi phí khác. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ sung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do sai sót trọng yếu của năm trước.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu tài chính được ghi nhận trên cơ sở tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay tài chính phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

1 -	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Tiền mặt	121.450.431	165.010.233
	- Tiền gửi ngân hàng	60.185.929.244	22.043.211.342
	- Tiền đang chuyển	0	1.971.455.000
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	100.257.000.000	257.000.000
	Cộng	160.564.379.675	24.436.676.575
2 -	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Đầu tư ngắn hạn khác	3.479.510.005	38.579.510.005
	<i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>2.129.510.005</i>	<i>37.129.510.005</i>
	Cộng	3.479.510.005	38.579.510.005
3 -	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	22.947.000.000	6.651.000.000
	- Phải thu khác	179.020.556.576	150.761.086.333
	Cộng	201.967.556.576	157.412.086.333

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

4 - Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111.641.373.880	116.720.126.563
Cộng giá gốc hàng tồn kho	111.641.373.880	116.720.126.563

Hàng tồn kho trong kỳ là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp

5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế TNDN nộp thừa	249.946.139	178.245.549
- Thuế GTGT nộp thừa	40.200.000	40.200.000
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	94.520.025	152.696.325
Cộng	384.666.164	371.141.874

8 - Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

(Phụ lục 01)

10 - Tăng giảm tài sản cố định vô hình

(Phụ lục 03)

11 - Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân	28.985.347.610	27.217.891.148
- Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	105.516.402.636	70.272.124.725
- Dự án Đường Lê Đức Thọ	374.416.022.000	366.796.568.718
- Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
- Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
- Dự án Đơn vị ở số 1	9.156.415.315	9.105.623.434
- Dự án Đơn vị ở số 2	148.109.278.941	146.902.643.687
- Dự án Đơn vị ở số 3	353.276.401.730	352.908.821.029
- Dự án Khu đô thị mới Văn Canh - Hoài Đức	270.220.277.199	280.468.532.569
- Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.567.545.838	1.379.164.864
- Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.615.217.617
- Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc mới	41.209.929.025	21.668.435.969
- Dự án nhà cho CB CNV Bộ ngoại giao	377.297.233	313.791.745
Cộng	1.337.942.823.609	1.282.141.503.970

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

13 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Đầu tư vào công ty con	561.128.715.270	356.486.724.238
- Đầu tư vào công ty liên kết	19.450.000.000	19.450.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	85.922.349.400	6.840.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.795.465.716)	(1.795.465.716)
Cộng	664.705.598.954	380.981.258.522

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con:				
1. Công ty TNHH MTV Tasco 6	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
2. Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	11.632.582	116.325.820.000	8.732.582	87.325.820.000
3. Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	14.514.788	145.147.876.087	2.458.589	24.585.886.936
4. Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	29.654.502	296.545.019.183	24.252.502	242.525.017.302
5. Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	306.000	3.060.000.000	200.000	2.000.000.000
Cộng	56.112.872	561.128.715.270	35.648.672	356.486.724.238
b) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết				
1. Công ty CP Bất động sản Thái An	1.385.000	13.850.000.000	1.385.000	13.850.000.000
2. Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
3. Công ty CP ĐT và XD Trường Giang	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
4. Công ty CP D - Tech	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Cộng	1.945.000	19.450.000.000	1.945.000	19.450.000.000
c) Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư dài hạn khác	8.592.235	85.922.349.400	684.000	6.840.000.000
Cộng	8.592.235	85.922.349.400	684.000	6.840.000.000

Số dư đầu tư dài hạn khác tại ngày 30/06/2014 của Công ty là giá trị đầu tư góp vốn vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20%.

Trong kỳ, Công ty thực hiện đầu tư 3.838.949 cổ phần chiếm 12,8% vốn điều lệ của Tổng công ty xây dựng Thăng Long – CTCP tương ứng với giá trị đầu tư 79.082.349.400 đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

14 - Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.969.505.319	5.107.475.865
Cộng	4.969.505.319	5.107.475.865
15 - Vay và nợ ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Vay ngắn hạn	270.581.892.599	478.081.491.851
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	131.122.050.508	293.011.173.591
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	72.194.946.343	70.323.208.696
+ Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	17.711.813.748	39.715.457.564
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn HN – CN Ba Đình	16.238.430.000	35.000.000.000
+ Vay đối tượng khác	33.314.652.000	40.031.652.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	2.214.000.000	4.428.000.000
Cộng	272.795.892.599	482.509.491.851

Trong đó:

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/232424/HĐTD ngày 30/06/2014, mức dư nợ tối đa là 209.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ chín tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2013 số 01/2013/HĐTDHM ngày 10/07/2013, mức dư nợ tối đa là 133.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2014. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Các hợp đồng vay này được đảm bảo bằng tài sản của Công ty

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0005/2013/HĐTDHM-GPBTLO ngày 21 tháng 06 năm 2013 của Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Ba Đình:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 033/2013/HDHM-PN/SHB.BĐ ngày 18 tháng 09 năm 2013 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội, mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 3 tháng/lần và được xác định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay: Công ty thế chấp các khoản phải thu/quyền đòi nợ khách hàng của Công ty, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng

16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		117.254.105
- Thuế thu nhập cá nhân	98.544.745	133.210.528
- Các loại thuế khác	0	91.560.346
Cộng	98.544.745	342.024.979
17 - Chi phí phải trả	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK22	4.374.322.208	4.575.019.151
- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK24	3.261.315.657	3.261.315.657
- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK25	4.686.859.803	4.606.391.015
- Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh LK26	580.712.721	548.410.034
- Trích trước giá vốn – Dự án Đơn vị ở 3	406.697.661	406.697.661
- Chi phí lãi trái phiếu HUT 2013 trả sau	7.833.333.334	0
- Chi phí phải trả	6.253.022.402	3.923.979.014
Cộng	27.396.263.786	17.321.812.532
18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Kinh phí công đoàn	455.038.047	486.871.021
- Bảo hiểm xã hội	76.155.300	168.943.881
- Bảo hiểm y tế	13.180.747	33.376.491
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.858.100	13.994.362
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	134.270.297.851	162.026.688.728
Cộng	134.820.530.045	162.729.874.483

Trong đó:

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm các khoản phải trả đội thi công công trình và một số khoản khác.

ĐTH

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

20 - Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vay dài hạn	903.912.125.853	735.575.540.843
- Vay ngân hàng	758.412.125.853	590.075.540.843
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	25.780.000.000	26.930.000.000
+ Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	4.428.832.409	4.428.832.409
+ Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	566.710.439.214	390.805.154.204
+ Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD 1	160.713.054.230	166.713.054.230
+ NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long	93.300.000	401.000.000
+ NH TMCP SHB – CN Ba Đình	686.500.000	797.500.000
- Vay đối tượng khác	45.500.000.000	45.500.000.000
- Trái phiếu phát hành	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	903.912.125.853	735.575.540.843

Trong đó:**- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:**

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTDĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2014/HĐTDĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTDĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình. Lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/1 lần.

Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTDTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:

+ Theo hợp đồng 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSĐTĐĐT/NHPT.SGDI và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05.01/2013/HĐSĐBS-NHPT-SGDI ngày 30/1/2013, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2009, số tiền vay tạm tính 313.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chỉ tiết theo các khoản giải ngân.

22 - Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở

a. hữu

(Phụ lục 04)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - HUD	54.293.760.000	54.293.760.000
- Vốn góp của cổ đông khác	792.181.150.000	592.181.150.000
Cộng	846.474.910.000	646.474.910.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp tại ngày đầu kỳ	646.474.910.000	349.976.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	200.000.000.000	296.498.910.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp tại ngày cuối kỳ	846.474.910.000	646.474.910.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	69.994.710.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

d. Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	84.647.491	64.647.491
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</i>		
e. Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	33.186.408.842	31.186.408.842
- Quỹ dự phòng tài chính	11.702.809.063	11.202.809.063
Cộng	44.889.217.905	42.389.217.905

Trong kỳ, công ty đã thực hiện thành công phương án phát hành 20.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2012 số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 04 năm 2013.

Ngày 18 tháng 04 năm 2014, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 22/2008/GCNCP-VSD-5 cho Công ty. Số lượng chứng khoán đăng ký bổ sung 20.000.000 cổ phiếu, giá trị cổ phiếu đăng ký bổ sung 200.000.000.000 đồng.

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng			
25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý II- 2014	Quý II – 2013	
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	169.355.319.131	165.626.222.802	
- Doanh thu hoạt động thu phí	0	18.187.158.182	
- Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	8.654.636.955	14.628.525.857	
Cộng	178.009.956.086	198.441.906.841	
26 - Các khoản giảm trừ doanh thu			
Trong đó:			
- Giảm giá hàng bán	517.222.272	747.443.866	
- Hàng bán bị trả lại	0	0	
Cộng	517.222.272	747.443.866	

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV

- Doanh thu thuần	177.492.733.814	197.694.462.975
-------------------	-----------------	-----------------

28 - Giá vốn hàng bán**Quý II- 2014****Quý II – 2013**

- Giá vốn hoạt động xây lắp	160.839.440.417	158.860.281.799
- Giá vốn hoạt động thu phí	0	3.514.421.645
- Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	8.395.762.719	14.552.682.124
Cộng	169.235.203.136	176.927.385.568

29 - Doanh thu hoạt động tài chính**Quý II- 2014****Quý II – 2013**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.032.921.334	340.286.986
- Cổ tức lợi nhuận được chia	8.000.000.000	540.000.000
Cộng	9.032.921.334	880.286.986

30 - Chi phí tài chính**Quý II- 2014****Quý II – 2013**

- Lãi tiền vay	4.163.581.768	6.528.194.320
Cộng	4.163.581.768	6.528.194.320

31 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Quý II- 2014****Quý II – 2013**

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	0	387.186.486
Cộng	0	387.186.486

VII- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.

3. Thông tin liên quan:**Các giao dịch mua:****Quý II- 2014****Quý II – 2013**

Công ty TNHH MTV Tasco 6	0	2.814.056.571
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	0	7.610.539.999
Cộng	0	10.424.596.570

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

Các giao dịch bán:	Quý II- 2014	Quý II – 2013
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái		14.000.000
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	45.000.000	
Cộng	45.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khách hàng:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	49.500.000	
Cộng	49.500.000	
Các khoản phải thu khác:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Tasco 6	676.893.971.404	690.834.808.048
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	2.471.608.609	2.555.729.078
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình		135.213.170.000
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	57.000.000	57.000.000
Cộng	679.422.580.013	828.660.707.126
Trả trước cho người bán:	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	2.860.359.245	974.877.768
Cộng	2.860.359.245	974.877.768

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính của kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/06/2013.

7. Những thông tin khác:

Lập, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lê Thị Ngọc

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Vũ Quang Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

Phụ lục 01: Tàng giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	19.957.828.489	1.528.176.091	10.605.118.332	2.804.171.263	34.895.294.175
Số dư tại ngày 01/01/2014	19.957.828.489	1.528.176.091	10.605.118.332	2.804.171.263	34.895.294.175
Tăng trong kỳ	0	0	0	0	0
Mua trong kỳ					
Mua lại TSCĐ thuê tài chính					
Giảm trong kỳ	0	0	921.130.333	0	921.130.333
Giảm thanh lý, nhượng bán			921.130.333		921.130.333
Giảm khác					
Số dư tại ngày 30/06/2014	19.957.828.489	1.528.176.091	9.683.987.999	2.804.171.263	33.974.163.842
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2014	6.518.724.823	1.215.046.200	6.698.609.586	2.550.008.013	16.982.388.622
Tăng trong kỳ	339.526.116	46.663.470	664.286.256	138.136.111	1.188.611.953
Khấu hao trong kỳ	339.526.116	46.663.470	664.286.256	138.136.111	1.188.611.953
Tăng khác					0
Giảm trong kỳ	0	0	730.090.422	0	730.090.422
Giảm thanh lý, nhượng bán			730.090.422		730.090.422
Giảm khác					0
Số dư tại ngày 30/06/2014	6.858.250.939	1.261.709.670	6.632.805.420	2.688.144.124	17.440.910.153
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	13.439.103.666	313.129.891	3.906.508.746	254.163.250	17.912.905.553
Tại ngày 30/06/2014	13.099.577.550	266.466.421	3.051.182.579	116.027.139	16.533.253.689

BR

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

Phụ lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Nguyên giá TSCĐ vô hình	102.878.251	647.718.637	750.596.888
Số dư tại ngày 01/01/2014	102 878 251	647 718 637	750.596.888
Tăng trong kỳ		0	0
Mua trong kỳ			0
Giảm trong kỳ	0	127.137.000	127.137.000
Giảm khác		127.137.000	127.137.000
Số dư tại ngày 30/06/2014	102.878.251	520.581.637	623.459.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2014	30 064 944	597 956 523	628.021.467
Tăng trong kỳ	2.152.116	37.667.674	39.819.790
Khấu hao kỳ	2 152 116	37 667 674	39.819.790
Giảm trong kỳ	0	116.542.256	116.542.256
Giảm khác		116.542.256	116.542.256
Số dư tại ngày 30/06/2014	32.217.060	519.081.941	551.299.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	72.813.307	49.762.114	122.575.421
Tại ngày 30/06/2014	70.661.191	1.499.696	72.160.887

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

Phụ lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	349.976.000.000	72.222.032.987	30.289.648.858	9.445.185.906	75.222.570.041	537.155.437.792
Tăng trong năm	296.498.910.000	0	896.759.984	1.757.623.157	10.023.803.704	309.177.096.845
Tăng vốn	296.498.910.000		896.759.984	1.757.623.157		299.153.293.141
Lãi					10.023.803.704	10.023.803.704
Giảm trong năm		67.067.432.400			75.192.546.141	142.259.978.541
Phân phối lợi nhuận					75.192.546.141	75.192.546.141
Giảm khác		67.067.432.400				67.067.432.400
Số dư tại ngày 31/12/2013	646.474.910.000	5.154.600.587	31.186.408.842	11.202.809.063	10.053.827.604	704.072.556.096
Số dư tại ngày 01/01/2014	646.474.910.000	5.154.600.587	31.186.408.842	11.202.809.063	10.053.827.604	704.072.556.096
Tăng trong năm	200.000.000.000	0	2.000.000.000	500.000.000	3.461.158.845	205.961.158.845
Tăng vốn	200.000.000.000					200.000.000.000
Lãi					3.460.501.845	3.460.501.845
Phân phối lợi nhuận			2.000.000.000	500.000.000		2.500.000.000
Tăng khác					657.000	657.000
Giảm trong năm		1.420.536.022	0	0	3.000.000.000	4.420.536.022
Phân phối lợi nhuận					3.000.000.000	3.000.000.000
Giảm khác		1.420.536.022				1.420.536.022
Số dư tại ngày 30/06/2014	846.474.910.000	3.734.064.565	33.186.408.842	11.702.809.063	10.514.986.449	905.613.178.919

Ph